

CÔNG TY TNHH SÁNG GIA TÂN TIẾN



TÓM TẮT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN:

NÂNG CÔNG SUẤT MỎ ĐẤT SAN LẬP RÚ RÂU,
XÃ AN DŨNG, HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

Hà Tĩnh, năm 2023

TÓM TẮT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

I. Thông tin chung về dự án

1. Mô tả tóm tắt dự án

- Tên dự án: Nâng công suất mỏ đất san lấp Rú Râu, xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sáng Gia Tân Tiến

- Vị trí thực hiện dự án: Khu vực thực hiện dự án thuộc khoảnh 2, tiểu khu 110, xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Tới cận tiếp giáp khu vực khai trường khai thác như sau:

+ Phía Bắc : giáp ao hồ của ông Phan Công Chính.

+ Phía Đông : giáp đất rừng sản xuất của ông Phan Công Chính.

+ Phía Nam : giáp đất trồng rừng sản xuất của bà Phan Thị Biễn.

+ Phía Tây : giáp đất trồng rừng sản xuất của ông Phan Công Chính

- Mục tiêu của dự án:

+ Mục tiêu tổng thể: Khai thác đất san lấp để cung cấp cho thị trường huyện Đức Thọ và các vùng lân cận.

+ Mục tiêu cụ thể:

* Sản xuất có lợi nhuận;

* Sản xuất để chủ động về nguyên vật liệu đất san lấp, phục vụ cho các công trình tại địa phương;

* Tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương;

* Duy trì, ổn định sản xuất lâu dài;

* Góp phần làm tăng trưởng kinh tế của địa phương.

- Loại hình dự án:

+ Loại công trình: Công trình mở khai thác nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng; là dự án đầu tư nâng công suất và điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

+ Loại hình dự án: Dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thuộc dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Cấp công trình: cấp III.

2. Quy mô, công suất của dự án

a. Quy mô

Biên giới mỏ là phạm vi không gian cuối cùng mà các công trình mỏ có thể phát triển tới. Biên giới mỏ lộ thiên bao gồm:

- Biên giới mỏ phía trên: Là ranh giới địa lý của khai trường trên mặt đất. Biên giới mỏ phía trên có diện tích là 3,0 ha;

- Biên giới mỏ phía dưới: Là ranh giới của khai trường theo chiều sâu (chiều sâu cuối cùng cho phép khai thác). Biên giới mỏ phía dưới xác định trên cơ sở chiều sâu thăm dò tính trữ lượng. Các thông số của biên giới mỏ phía dưới:

+ Chiều sâu khai thác: đến cao độ +25m.

+ Diện tích đáy khai trường phía dưới: 18.817 m².

b. Công suất

b₁. Công suất khai thác hiện hữu

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 4180/GP-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, công suất khai thác của dự án là: 50.000 m³ đất nguyên khai/năm.

b₂. Công suất khai thác điều chỉnh

Căn cứ vào nhu cầu thị trường và năng lực của Công ty TNHH Sáng Gia Tân Tiến, công suất khai thác của dự án sau khi điều chỉnh là: 120.000 m³ đất nguyên khai/năm (tương đương 101.351 m³ đất nguyên khối/năm).

3. Tổng mức đầu tư của dự án

Tổng mức đầu tư của dự án là: 14.559.022.903 đồng sau thuế. Trong đó:

- Nguồn vốn từ vốn tự có của doanh nghiệp: 9.559.022.903 đồng (chiếm 65,66%).

- Vốn vay ngân hàng: 5.000.000.000 đồng (chiếm 34,34%).

II. Hiện trạng các thành phần môi trường tự nhiên

Kết quả phân tích hiện trạng môi trường cho thấy các chỉ tiêu phân tích của không khí, nước, đất đều đảm bảo quy chuẩn môi trường.

III. Đánh giá, dự báo tác động và biện pháp giảm thiểu đến môi trường của dự án

1. Đánh giá tác động

1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Các hạng mục xây dựng cơ bản mỏ hiện đã được hoàn thành và đang đưa vào sử dụng. Do đó, phần nội dung này chỉ đánh giá tác động từ hoạt động khai thác đất san lấp của mỏ hiện hữu.

1.1.1. Bụi, khí thải

- Nguồn tác động:

- + Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông vận tải tại mỏ hiện hữu
- + Bụi và khí thải phát sinh từ máy móc, thiết bị khai thác
- + Bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc đất san lấp lên phương tiện vận tải
- + Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ

- Đối tượng bị tác động: môi trường không khí và sức khỏe người lao động tại mỏ.

- Phạm vi tác động: môi trường không khí khu vực dự án và vùng lân cận trong suốt thời gian khai thác của mỏ hiện hữu (hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 4180/GP-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh).

1.1.2. Nước thải

- Nguồn gây tác động:

- + Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng 0,6 m³/ngày
- + Nước thải sản xuất: không phát sinh nước thải sản xuất.

- Đối tượng bị tác động:

- + Hệ thống thoát nước của khu vực
- + Môi trường nước mặt
- + Môi trường đất
- + Sức khỏe công nhân

- Phạm vi tác động: môi trường nước mặt, đất tại khu vực nhà văn phòng và vùng lân cận trong suốt thời gian khai thác của mỏ hiện hữu.

1.1.3. Chất thải rắn

- Nguồn gây tác động:

- + Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng khoảng 5 kg/ngày
- + Chất thải rắn thông thường: bao gồm sinh khối thực vật từ hoạt động giải phóng mặt bằng, bùn đất từ hoạt động nạo vét mương thoát nước.

- Đối tượng bị tác động: Môi trường không khí, nước ngầm, môi trường đất và con người (công nhân và người dân xung quanh dự án)

- Phạm vi tác động: Trong phạm vi dự án và tồn tại trong suốt quá trình khai thác của mỏ hiện hữu

1.1.4. Chất thải nguy hại

- Khối lượng phát sinh khoảng 4 kg/tháng, chủ yếu gồm dầu nhớt thải và giẻ lau dính dầu nhớt.

- Phạm vi tác động: Trong phạm vi dự án và tồn tại trong suốt quá trình khai thác của mỏ hiện hữu.

1.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

1.1.1. Bụi, khí thải

- Nguồn tác động:

- + Bụi phát sinh từ hoạt động bóc đất phủ;
- + Bụi và khí thải từ quá trình xử lý sinh khối thực vật;
- + Bụi và khí thải phát sinh từ máy móc, thiết bị khai thác;
- + Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông vận tải nội mỏ;
- + Bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc sản phẩm khai thác lên phương tiện vận tải;
- + Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ

- Đối tượng bị tác động: môi trường không khí và sức khỏe người lao động tại mỏ.

- Phạm vi tác động:

- + Khu vực khai trường khai thác và vùng lân cận;
- + Khu vực các tuyến đường vận chuyển sản phẩm của dự án đến nơi tiêu thụ.

1.1.2. Nước thải

- Nguồn gây tác động:

+ Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng 0,6 m³/ngày

+ Nước thải sản xuất: Chủ yếu là nước để phun giảm bụi đường giao thông nội bộ và tuyến đường đất nối khu vực dự án với đường ĐT554. Tuy nhiên lượng nước này chỉ đủ thấm vào đường giao thông nên không có nước thải sản xuất môi trường.

- Đối tượng bị tác động:

- + Hệ thống thoát nước của khu vực

- + Môi trường nước mặt
- + Môi trường đất
- + Sức khỏe công nhân

- Phạm vi tác động: môi trường nước mặt, đất tại khu vực nhà văn phòng và vùng lân cận trong suốt thời gian khai thác.

1.1.3. Chất thải rắn

- Nguồn gây tác động:

- + Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng khoảng 5 kg/ngày
- + Đất bóc tầng phủ: khối lượng 6.000 m³ đất nguyên khối.
- + Đất từ hoạt động nạo vét mương thoát nước, hồ lắng: 17.509,5 m³/năm.

- Đối tượng bị tác động: Môi trường không khí, nước ngầm, môi trường đất và con người (công nhân và người dân xung quanh dự án)

- Phạm vi tác động: Trong phạm vi dự án và tồn tại trong suốt quá trình khai thác

1.1.4. Chất thải nguy hại

- Khối lượng phát sinh khoảng 36 kg/năm, chủ yếu gồm dầu nhớt thải và giẻ lau dính dầu nhớt.

- Phạm vi tác động: Trong phạm vi dự án và tồn tại trong suốt quá trình dự án đi vào vận hành.

2. Biện pháp giảm thiểu tác động

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

2.1.1. Đối với bụi, khí thải

- Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ, không chở quá thành xe, không chở quá tải trọng thiết kế.

- Sử dụng phương tiện vận chuyển tiên tiến, bảo đảm các yêu cầu về đăng kiểm theo quy định.

- Sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và bảo đảm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt, ít gây ảnh hưởng đến môi trường.

- Lái xe được học tập đầy đủ các luật về an toàn giao thông và các quy định lưu thông xe, các quy phạm an toàn trong vận tải mỏ.

- Lưu thông với tốc độ chậm để hạn chế bụi bị cuốn lên từ mặt đất.

- Thường xuyên duy tu, sửa chữa tuyến đường đất ra vào khu mỏ để giảm thiểu bụi trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên phun, tưới nước trên các tuyến đường giao thông nội bộ cũng như tuyến đường đất nối khu vực mỏ với đường ĐT554. Tần suất phun nước trung bình 2 lần/ngày hoặc 4 lần/ngày vào những ngày nắng nóng kéo dài: 02 lần vào buổi sáng, 02 lần vào buổi chiều.

- Cương quyết ngưng vận chuyển, xử lý nghiêm đối với những xe, lái xe không thực hiện đúng và đảm bảo yêu cầu về môi trường hoặc khi có sự khiếu kiện của người dân về môi trường do phương tiện vận chuyển gây ra.

- Các xe vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ phải đảm bảo về vệ sinh, tránh tình trạng đất, bùn bám vào bánh xe rơi vãi trên các tuyến đường nhất là vào những ngày mưa. Sẽ ngừng hoạt động đối với những xe không đảm bảo được vấn đề vệ sinh, để tránh tình trạng gây ô nhiễm môi trường trên các tuyến đường xe vận chuyển đi qua và ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

2.1.2. Đối với nước thải

Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại tại khu vực nhà văn phòng của dự án (hộ ông Phan Công Chính).

Mạng lưới thu gom nước thải: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của nhà văn phòng được thu gom thông qua đường ống PVC đường kính 90mm dẫn về bể tự hoại để xử lý.

2.1.3. Đối với chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tiến hành phân loại và lưu chứa riêng từng loại đối với rác thải sinh hoạt như: chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (túi nilon, chai nhựa, ...), chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, thực phẩm hư hỏng, ...), ...

+ Đối với loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Công ty sẽ tiến hành thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn

+ Đối với loại chất thải thực phẩm: tận dụng lại để làm thức ăn chăn nuôi hoặc làm phân bón hữu cơ.

+ Đối với các loại chất thải sinh hoạt khác: Công ty sẽ thực hiện thu gom, lưu chứa và liên hệ với đơn vị môi trường xã An Dũng để hợp đồng thực hiện vận chuyển và xử lý.

+ Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy đặt tại khu vực khai trường và nhà văn phòng dự án.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Sinh khối thực vật từ hoạt động bóc phủ:

* Tiến hành thu dọn, tập kết và phơi khô khối lượng thực bì phát sinh sau mỗi ca làm việc.

* Đối với phần rễ, thân, cành của cây thân gỗ: tận dụng làm củi đốt.

* Đối với phần lá và sinh khối cây bụi, cỏ: tập kết và đốt có kiểm soát tại khu vực dự án.

+ Đất bóc phủ: Quá trình khai thác đến đâu sẽ tiến hành bóc đất phủ đến đó. Khối lượng đất phủ phát sinh theo từng đợt ít và được thực hiện theo hình thức cuốn chiếu. Máy xúc san gạt gom tại chỗ thành từng đống tạm thời bên cạnh bờ moong khai thác, hình thành nơi lưu giữ tạm cho từng năm khai thác để sử dụng cho cải tạo phục hồi môi trường. Xung quanh khu vực lưu giữ được bố trí bờ bao bằng đất san lấp khai thác từ mỏ.

+ Đất từ hoạt động nạo vét mương thoát nước và hố lắng: Khối lượng đất phát sinh do nạo vét định kỳ mương thoát nước và hồ lắng trong giai đoạn khai thác của mỏ hiện hữu được thu gom và vận chuyển về khu vực lưu chứa đất bóc phủ, phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường sau này.

2.1.4. Đối với chất thải nguy hại

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa xe, máy móc công trình tại khu vực dự án. Trong trường hợp có sự cố sẽ bố trí khu vực, thiết bị thu gom dầu mỡ thải từ quá trình sửa chữa thiết bị thi công cơ giới.

- CTNH sẽ được thu gom và lưu chứa tại kho CTNH ở khu vực nhà văn phòng của dự án (diện tích 5m²). Kho CTNH có kết cấu tường gạch, mái bằng, nền phủ lớp bê tông, kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và được xây

gờ cao để ngăn không cho CTNH bên trong tràn ra ngoài (nếu có sự cố). Đồng thời, Chủ dự án sẽ lập sổ nhật ký theo dõi để thống kê khối lượng CTNH lưu trữ tại kho của dự án.

- Kho lưu giữ CTNH sẽ được trang bị biển cảnh báo, bên trong kho đặt 2 thùng phuy chứa dầu nhớt thải có nắp đậy, 1 thùng chứa ắc quy, 1 thùng chứa giẻ lau dính dầu mỡ. Các thùng lưu chứa CTNH theo từng loại riêng biệt, dán nhãn và mã số CTNH lên thùng chứa, sắp xếp gọn gàng theo từng nhóm CTNH.

- Định kỳ 1 năm/lần, Chủ dự án sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng để thực hiện vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.2.1. Đối với bụi, khí thải

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị tiên tiến và có đầy đủ hồ sơ đăng kiểm.
- Phân bổ kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế tối đa việc tập trung nhiều thiết bị hoạt động cùng lúc trên công trường.
- Sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc rõ ràng và bảo đảm các yêu cầu về chất lượng.
- Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật, hoạt động đúng công suất.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt.

2.2.2. Đối với nước thải

Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại tại khu vực nhà văn phòng của dự án (hộ ông Phan Công Chính).

Mạng lưới thu gom nước thải: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của nhà văn phòng được thu gom thông qua đường ống PVC đường kính 90mm dẫn về bể tự hoại để xử lý.

2.2.3. Đối với chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tiến hành phân loại và lưu chứa riêng từng loại đối với rác thải sinh hoạt như: chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (túi nilon, chai nhựa, ...), chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, thực phẩm hư hỏng, ...), ...

+ Đối với loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Công ty sẽ tiến hành thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn

+ Đối với loại chất thải thực phẩm: tận dụng lại để làm thức ăn chăn nuôi hoặc làm phân bón hữu cơ.

+ Đối với các loại chất thải sinh hoạt khác: Công ty sẽ thực hiện thu gom, lưu chứa và liên hệ với đơn vị môi trường xã An Dũng để hợp đồng thực hiện vận chuyển và xử lý.

+ Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy đặt tại khu vực khai trường và nhà văn phòng dự án.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Sinh khối thực vật từ hoạt động bóc phủ:

* Tiến hành thu dọn, tập kết và phơi khô khối lượng thực bì phát sinh sau mỗi ca làm việc.

* Đối với phần rễ, thân, cành của cây thân gỗ: tận dụng làm củi đốt.

* Đối với phần lá và sinh khối cây bụi, cỏ: tập kết và đốt có kiểm soát tại khu vực dự án.

+ Đất bóc phủ: Quá trình khai thác đến đâu sẽ tiến hành bóc đất phủ đến đó. Khối lượng đất phủ phát sinh theo từng đợt ít và được thực hiện theo hình thức cuốn chiếu. Máy xúc san gạt gom tại chỗ thành từng đống tạm thời bên cạnh bờ moong khai thác, hình thành nơi lưu giữ tạm cho từng năm khai thác để sử dụng cho cải tạo phục hồi môi trường. Xung quanh khu vực lưu giữ được bố trí bờ bao bằng đất san lấp khai thác từ mỏ.

+ Đất từ hoạt động nạo vét mương thoát nước và hố lắng: Khối lượng đất phát sinh do nạo vét định kỳ mương thoát nước và hồ lắng trong giai đoạn khai thác của mỏ hiện hữu được thu gom và vận chuyển về khu vực lưu chứa đất bóc phủ, phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường sau này.

2.2.4. Đối với chất thải nguy hại

- CTNH sẽ được thu gom và lưu chứa tại kho CTNH ở khu vực nhà văn phòng của dự án (diện tích 5m²). Kho CTNH có kết cấu tường gạch, mái bằng, nền phủ lớp bê tông, kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và được xây gờ cao để ngăn không cho CTNH bên trong tràn ra ngoài (nếu có sự cố). Đồng thời, Chủ dự án sẽ lập sổ nhật ký theo dõi để thống kê khối lượng CTNH lưu trữ tại kho của dự án.

- Kho lưu giữ CTNH sẽ được trang bị biển cảnh báo, bên trong kho đặt 2 thùng phuy chứa dầu nhớt thải có nắp đậy, 1 thùng chứa ắc quy, 1 thùng chứa giẻ lau dính dầu mỡ. Các thùng lưu chứa CTNH theo từng loại riêng biệt, dán nhãn và mã số CTNH lên thùng chứa, sắp xếp gọn gàng theo từng nhóm CTNH.

- Định kỳ 1 năm/lần, Chủ dự án sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng để thực hiện vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định của pháp luật.

IV. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác: lập biển báo, hàng rào xung quanh moong khai thác; tạo hệ thống thoát nước cho moong khai thác; san gạt khu vực đáy moong; gia cố sườn tầng, trồng cây keo lá tràm đai bảo vệ và khu vực đáy moong.

- Cải tạo các công trình phụ trợ: Phá dỡ trạm cân; tháo dỡ đường dây điện.

- Phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mỏ: Duy tu, cải tạo, nâng cấp những chỗ hư hỏng, xuống cấp đảm bảo hoạt động tuyến đường vào mỏ; nạo vét 04 hồ lắng; san gạt hố thu nước xịt rửa bánh xe, phương tiện thi công.

2. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Số tiền phải ký quỹ: 319.143.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười chín triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

- Thời điểm ký quỹ:

+ Lần thứ 1: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ với số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là 63.829.000 (*Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn đồng*).

+ Lần thứ 2 trở đi: Thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ và mỗi lần ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là 19.640.000 (*Bằng chữ: Mười chín triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh.

V. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường

1. Quan trắc khí thải

Theo quy định tại khoản 2 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án không phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục hoặc quan trắc khí thải định kỳ.

2. Quan trắc nước thải

Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án không phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc quan trắc nước thải định kỳ.

3. Giám sát trượt lở

- Vị trí giám sát: khu vực mặt tầng công tác, khu vực chứa đất phủ tạm.
- Thông số giám sát: chiều cao tầng khai thác; góc nghiêng tầng khai thác, góc nghiêng tầng kết thúc khai thác, chiều rộng mặt tầng công tác, chiều rộng đai bảo vệ.
- Tần số giám sát: thường xuyên.

VI. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Công ty TNHH Sáng Gia Tân Tiến xin cam kết:

- Công ty sẽ đầu tư đầy đủ kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường dự án và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các phương án phòng ngừa, khống chế, xử lý ô nhiễm môi trường đã đề ra trong báo cáo ĐTM dự án này nhằm bảo đảm đạt hoàn toàn các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam theo quy định.

- Cam kết thực hiện các quy định hiện hành của Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và thực hiện dự án: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, các Luật và văn bản dưới luật có liên quan.

- Cam kết thực hiện hồ sơ hoàn thành các công trình xử lý và bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động chính thức.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra, các biện pháp an toàn lao động.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc phương án cải tạo, phục hồi môi trường và đóng tiền ký quỹ như đã nêu tại Chương 4 của báo cáo.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã trình bày tại Chương 5 của báo cáo. Báo cáo định kỳ kết quả giám sát môi trường theo đúng quy định; Cam kết định kỳ hàng năm thực hiện việc giám sát môi trường theo các vị trí, tần suất cũng như các thông số về môi trường theo đúng quy định; Định kỳ có báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh về tình hình và diễn biến của công tác bảo vệ môi trường tại dự án.

- Cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn/quy chuẩn môi trường liên quan.

Các cam kết khác:

- Không sử dụng các loại hóa chất, vật liệu nằm trong danh mục cấm; cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

- Thực hiện các biện pháp an toàn lao động và phòng chống sự cố môi trường.

- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp có sự cố, rủi ro về môi trường.

- Thành lập bộ phận chuyên trách về môi trường nhằm quản lý tốt các vấn đề môi trường tại dự án.

- Cam kết thực hiện các trách nhiệm của chủ dự án đối với quyền lợi của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác theo đúng quy định của Điều 5 và Điều 30, Luật Khoáng sản năm 2010 và điều 16, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 26/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản.

- Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước UBND tỉnh Hà Tĩnh và Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo ĐTM và toàn bộ nội dung quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền./.